

Số: 250/TB - BVNTW

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời các nhà cung cấp báo giá gói mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2024-2026

Kính gửi: Quý công ty/Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán gói mua sắm: **Thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2024-2026** - Danh mục chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm.

Bệnh viện Nhi Trung ương kính mời Quý công ty/Nhà cung cấp gửi Hồ sơ báo giá theo thông tin sau:

1. Hồ sơ báo giá gồm:

- Thư giới thiệu nộp Hồ sơ báo giá (có đủ thông tin liên hệ với Công ty/nhà cung cấp);
- Văn bản chứng minh Công ty/Nhà cung cấp có chức năng cung cấp hàng hóa (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động, thể hiện chi tiết mã ngành nghề kinh doanh phù hợp danh mục mua sắm);
- Báo giá hàng hóa cung cấp (Theo mẫu phụ lục 01 đính kèm; tài liệu chứng minh đính kèm (nếu có))

2. Hình thức nộp: Bản giấy

3. Địa điểm nộp: Văn thư Bệnh viện – tầng 3, Nhà A (nhà 15 tầng) Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ số 18/879 đường La Thành – quận Đống Đa – thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.6273.8886.

4. Hạn nộp hồ sơ báo giá: trong vòng 10 ngày, kể từ ngày thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (1).

GIÁM ĐỐC *hch*
BỆNH VIỆN
NHI
TRUNG ƯƠNG
Trần Minh Điền

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh.....được cấp bởi....”

Căn cứ thông báo mời báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung cấp của đơn vị, chúng tôi xin gửi bản báo giá các thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2024-2026; cam kết đáp ứng đầy đủ về danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của Quý Bệnh viện quy định tại Phụ lục 02 – thông báo mời báo giá số: 250/TB-BVNTW ngày 06/8/2024, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						Hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại Phụ lục 02 - Thông báo mời báo giá số 250/TB-BVNTW ngày 6/8/2024
2						
3						
4						
5						
6						
...						
Tổng cộng						
Bảng chữ:						

- Giá chào là giá đã bao gồm toàn bộ các loại thuế giá trị gia tăng, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển đến Bệnh viện Nhi Trung ương và các chi phí khác phát sinh (nếu có).

- Báo giá có hiệu lực: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

NHÀ CUNG CẤP KÊ KHAI
BẢNG ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA CUNG CẤP

Số TT	Danh mục hàng hóa	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa nhà cung cấp chào giá	Nhà cung cấp so sánh và đánh giá
		<i>[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn yêu cầu của thư mời chào giá]</i>	<i>[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn nhà cung cấp chào giá hàng hóa]</i>	<i>Đáp ứng /không đáp ứng</i>
1				
2				
3				
....				

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và tài liệu liên quan đến thiết bị (nếu có) .

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)





PHỤ LỤC 02
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT MUA SẮM THIẾT BỊ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG NĂM 2024-2026
(Kèm theo Thông báo số 250/TB-BVNTW ngày 6/8/2024)


1. Danh mục, số lượng



STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thiết bị y tế		
1	Giường bệnh 3 tay quay	Cái	106
2	Giường bệnh 2 tay quay	Cái	237
3	Xe cáng cứu thương	Cái	41
4	Xe lăn	Cái	39
5	Xe đựng dụng cụ cấp cứu	Cái	44
6	Xe tiêm nhựa	Cái	3
7	Tủ nhựa đầu giường bệnh	Cái	461
8	Bàn làm việc di động	Cái	93
9	Ghế giường đa năng	Cái	155
II	Đồ Inox		
1	Xe tiêm inox	Cái	48
2	Xe lấy mẫu, để dụng cụ	Cái	42
3	Xe chở đồ vải y tế	Cái	27
4	Cọc truyền	Cái	266
5	Giường cũi loại nhỏ	Cái	28
6	Giường cũi loại to	Cái	12
7	Tủ đựng thuốc	Cái	20
8	Bàn khám bệnh	Cái	93
III	Đồ nội thất văn phòng		
1	Ghế gấp	Cái	463
2	Giường tầng nhân viên	Cái	58
3	Tủ gửi đồ người nhà người bệnh 8 cánh	Cái	50
4	Tủ gửi đồ người nhà người bệnh 04 cánh	Cái	43
5	Tủ để tài liệu, đồ dùng 02 cánh	Cái	77
6	Tủ để đồ cá nhân, nhân viên y tế 4 cánh	Cái	98
IV	Điện lạnh		
1	Tủ lạnh 2 cánh loại 1	Cái	83
2	Tủ lạnh 2 cánh loại 2	Cái	28
3	Cây nước nóng lạnh 2 vòi	Cái	40
4	Cây nước nóng lạnh 3 vòi	Cái	25
5	Lò vi sóng	Cái	43
6	Ti vi	Cái	225

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật


STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
I	Giường bệnh 3 tay quay	<p>1. Cấu hình chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giường bệnh nhân loại 03 tay quay: 01 cái - Thành chắn (lan can): 02 cái - Đệm: 01 cái - Tay quay: 03 cái - Cọc truyền: 01 cái - Bàn ăn: 01 cái - Giá cài bệnh án: 1 cái - Tài liệu hướng dẫn: 01 bộ <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 210x100 (± 10) - Độ nâng hạ chiều cao giường (cm): 45 - 85 - Độ nâng hạ phần đầu, lưng: 0-85° - Độ nâng hạ phần chân: 0-45° - Tải trọng (kg): 150 - 300; - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu giường, đuôi giường: Làm bằng nhựa ABS, có thể tháo rời làm sạch dễ dàng. Tại 04 góc đầu giường và đuôi giường có 04 lỗ để cắm cọc truyền; - Tay quay: Có 3 tay quay, trong đó 02 tay quay có chức năng thay đổi các góc nâng của mặt giường; 01 tay quay có chức năng thay đổi chiều cao của giường; - Xilanh thủy lực: Có 01 xilanh thủy lực để hỗ trợ khi thay đổi chiều cao của giường, đảm bảo nâng hạ giường nhẹ nhàng khi vận hành; - Bánh xe: 04 bánh, có phanh lõi, bên ngoài bánh xe có bọc nhựa ABS, vật liệu ốp PVC, chịu lực bằng cao su tổng hợp, đường kính bánh xe 14 cm (± 1) làm bằng thép hợp kim Chromium; có khóa chốt phanh, giúp giường cơ động khi cần di chuyển; khi phanh giường cố định, thiết kế quay 360°; - Thành chắn (lan can): Làm bằng hợp kim nhôm và nhựa ABS, lan can cao 35cm (± 5); lan can có 5-6 thanh dọc; có thể nâng lên, gấp xuống; - Bàn ăn: Làm bằng nhựa ABS, chắc chắn, dễ tháo lắp; - Đệm: Đặt vừa với lòng giường, dày 5-7cm. Ruột đệm làm bằng chất liệu xơ dừa/bông ép, vỏ bọc đệm bằng chất liệu chống thấm nước, đệm gấp thành 3 khúc theo độ nâng hạ của giường; - Giá cài bệnh án: Kích thước 25-30cm làm bằng nhựa kẹp bệnh án, được cài trên phần đuôi giường bởi khung đỡ; - Cọc truyền: Làm bằng inox, trên đầu cọc có 1 thanh ngang kích thước 30cm (± 10) gắn 4 móc treo, chiều cao cọc 120cm (± 10), đường kính thân cọc 20mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$), có khóa điều chỉnh tăng giảm chiều cao cọc. 	


STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
2	Giường bệnh 2 tay quay	<p>1. Cấu hình chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giường bệnh nhân loại 02 tay quay: 01 cái - Thành chắn (lan can): 02 cái - Đệm: 01 cái - Tay quay: 02 cái - Cọc truyền: 01 cái - Bàn ăn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn: 01 bộ <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 210x100 (± 10) - Độ nâng hạ phần tựa lưng: 0-85° ($\pm 5^\circ$) - Độ nâng hạ phần chân: 0-45° - Tải trọng (kg): 150 - 300 - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu giường, đuôi giường: làm bằng nhựa ABS, có thể tháo rời làm sạch dễ dàng. Tại 04 góc đầu giường và đuôi giường có 04 lỗ để cắm cọc truyền; - Tay quay: 02 tay quay có 02 chức năng thay đổi các góc nâng của mặt giường; - Bánh xe: 04 bánh, có phanh lồi, bên ngoài bánh xe có bọc nhựa ABS, vật liệu ốp PVC, chịu lực bằng cao su tổng hợp, đường kính bánh xe 14 cm (± 1) làm bằng thép hợp kim Chromium; có khóa chốt phanh, giúp giường cơ động khi cần di chuyển; khi phanh giường cố định, thiết kế quay 360°; - Thành chắn (lan can): Làm bằng hợp kim nhôm và nhựa ABS, lan can cao 35cm (± 5); lan can có 5-6 thanh dọc; có thể nâng lên, gấp xuống; - Bàn ăn: bằng nhựa ABS, dễ tháo lắp, chắc chắn; - Đệm: Đặt vừa với lòng giường, dày 5-7cm. Ruột đệm làm bằng chất liệu xơ dừa/bông ép, vỏ bọc đệm bằng chất liệu chống thấm nước, đệm gấp khúc theo độ nâng hạ của giường; - Giá cài bệnh án: Kích thước 25-30cm làm bằng nhựa có kẹp bệnh án, được cài trên phần đuôi giường bởi khung đỡ; - Cọc truyền: Làm bằng inox, trên đầu cọc có 1 thanh ngang kích thước 30cm (± 10) gắn 4 móc treo, chiều cao cọc 120cm (± 10), đường kính thân cọc 20mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$), có khóa điều chỉnh tăng giảm chiều cao cọc. 	



STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
3	Xe cáng cứu thương	<p>1. Cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe cáng cứu thương: 01 cái - Tay quay 3 cái - Đệm: 01 cái - Thành chắn (lan can): 02 cái - Cọc truyền: 01 cái <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 200x80 (± 10) - Độ nâng hạ chiều cao (cm): 45-85 - Tải trọng (kg): 150-250 - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt cáng: Kích thước mặt cáng (cm): 190x70 (± 10). Kết cấu bằng thép tấm dày 1mm được đục lỗ oval, dập gân tăng cứng hàn liền kết chắc chắn với phần khung bao bằng thép kích thước 25x25mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$); <ul style="list-style-type: none"> * Tấm nâng đầu dài 75cm (± 5), có nâng hạ thay đổi góc nghiêng bằng cơ cấu xilanh thủy lực trợ lực từ 0- 65°; * Tấm thân, chân dài 120cm (± 5) là phần cố định; + Thành cáng phần đầu có lỗ tròn để cắm cọc truyền + Khung đỡ mặt cáng kết cấu bằng thép hộp kích thước 30x60mm (± 2), dày 1,5mm ($\pm 0,5$), thép ống tròn đường kính 30mm (± 2) dày 1,5mm ($\pm 0,5$) hàn liền kết chắc chắn; - Hệ thống nâng hạ: Kết cấu bằng các tấm thép dày dập gân tăng cứng hàn liền kết chắc chắn với các thanh ống đường kính 30mm (± 2) dày 1,5mm ($\pm 0,5$), hệ thống nâng hạ bằng cơ cấu trục vít me bằng ren trơn nhẹ, chắc chắn có phần trợ lực nâng bằng xilanh thủy lực; - Thành chắn (lan can): Làm bằng hợp kim nhôm và nhựa ABS, lan can cao 35cm (± 5); lan can có 5-6 thanh dọc; có thể nâng lên, gập xuống; - Khung dưới xe cáng: Kết cấu bằng thép hộp kích thước 30x60mm dày 1,5mm ($\pm 0,5$), hàn liền kết chắc chắn với các tấm bản mã dày 3mm cùng bốn ống thép đường kính 30mm (± 2) dày 1,5mm ($\pm 0,5$), bắt bốn bánh xe đường kính 140mm (± 10); - Bánh xe: có 4 bánh xe, có 02 bánh có phanh hãm, đường kính bánh xe 14 cm (± 1), lốp bánh xe làm bằng cao su tổng hợp; lõi bánh xe làm bằng thép chịu lực có bọc nhựa ABS; - Đệm: Đặt vừa với mặt cáng, dày 5-7cm. Ruột đệm làm bằng chất liệu xơ dừa/bông ép, vỏ bọc đệm bằng chất liệu chống thấm nước, đệm gấp khúc theo độ nâng hạ của cáng; - Cọc truyền: bằng inox, đầu cọc có 1 thanh ngang kích thước 30cm (± 10) gắn 4 móc treo, chiều cao cọc 120cm (± 10), đường kính thân cọc 20mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$), có khóa điều chỉnh tăng giảm chiều cao cọc; - Giá đỡ: 01 giá bằng inox, đỡ bình oxy loại nhỏ có đường kính 15cm, chiều dài bình 45cm (± 5) được hàn cố định dưới khung gầm xe; - Dưới cáng có giá để dụng cụ, kích thước 55x55cm (± 3). 	


STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
4	Xe lăn	<p>1. Cấu hình chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe lăn: 01 cái - Tay cầm đẩy có phanh tay: 02 cái - Thăng an toàn cố định xe: 02 cái - Tấm đặt chân: 02 cái - Thành tựa kê tay: 02 cái <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước xe: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều rộng chỗ ngồi (cm): 45 (± 5) + Chiều sâu ghế ngồi (cm): 40 (± 5) + Chiều cao phần tựa lưng (cm): 45 (± 5) + Chiều cao thân xe (cm): 95 (± 5) + Tải trọng (kg): 80-120 - Vật liệu: Bằng hợp kim mạ crom/Thép sơn tĩnh điện <p>3. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghế ngồi, tựa lưng: chất liệu vải Oxford, có thể tháo giặt dễ vệ sinh; Thiết kế gấp gọn, di chuyển dễ dàng; - Thành để tựa tay: có lót mút mềm, êm ái; - Tấm đặt chân: làm bằng kim loại/hợp kim, có thể gấp lên/xuống, trên bề mặt gác chân có tạo các đường vân đặt vừa chân thoải mái chống mỏi; - Bánh xe: 04 bánh, lớp bằng cao su; 02 bánh xe trước đường kính 14cm (± 1), thiết kế xoay 360° dẫn hướng di chuyển; 02 bánh sau đường kính 47cm (± 2), có thăng an toàn giúp cố định xe và không bị dịch chuyển trong quá trình đưa người bệnh ra khỏi xe hoặc vào xe. 	
5	Xe đựng dụng cụ cấp cứu	<p>1. Cấu hình chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe đựng dụng cụ cấp cứu: 01 cái - Tay đẩy: 01 cái - Ngăn kéo: 05 ngăn - Cọc truyền: 01 cái - Giá đựng vật sắc nhọn: 01 cái - Thùng rác y tế: 02 cái - Khay đựng dụng cụ: 01 cái - Miếng chống trượt: 01 cái - Óc cầm: 01 cái <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước xe (cm): 75x50x100 (± 10) - Kích thước chiều cao các ngăn kéo: <ul style="list-style-type: none"> + Ngăn A (cm): 9 (± 2) + Ngăn B (cm): 13 (± 2) + Ngăn C (cm): 25 (± 2) - Vật liệu: Khung thép sơn tĩnh điện, bọc nhựa ABS - Tải trọng (kg): 100-150 <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bàn trên làm bằng nhựa ABS độ dày 5mm (± 2) có lan can và tay đẩy, bên trái của xe có 01 khay kéo trượt giấu trong xe, thao tác thuận tiện; - Ngăn kéo 02 ngăn (A) trên cùng, phía bên trong có các 	






STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
		<p>nan di động (bộ chia ngăn kéo) để chia thành nhiều ô; 02 ngăn (B) ở giữa phía bên trong có các nan di động (bộ chia ngăn kéo) để chia thành nhiều ô; 01 ngăn (C) lớn dưới cùng; hệ thống khóa trung tâm cho toàn bộ các ngăn kéo; thanh ray trượt làm bằng thép, khay kéo mở rộng; Ngăn kéo có thể tháo rời thuận tiện vệ sinh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bánh xe: 04 bánh, đường kính bánh xe 120mm (± 10). Trong đó 02 bánh có khóa, 1 bánh tự do và 1 bánh điều hướng; Bánh xe có lớp vỏ cao su chống ma sát, chống ồn và trượt xước mặt sàn; - Cọc truyền: làm bằng inox, có móc treo, đường kính thân cọc 20mm (± 5), dày 3mm (± 1), có khóa điều chỉnh tăng giảm chiều cao, chiều cao cọc 90cm (± 10); - Ổ cắm điện: 01 ổ, gắn phía sau xe; - Bên sườn phải xe: có gắn 02 thùng đựng rác bằng nhựa cứng 5 lít có nắp gắn phía dưới và 01 giá treo kích thước 170x140x300mm (± 10) để đựng hộp đựng vật sắc nhọn; - Bên sườn trái xe: 01 hộp đựng dụng cụ hình chữ nhật kích thước 320x130x160mm (± 10). 	
6	Xe tiêm nhựa	<p>1. Cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe tiêm nhựa: 01 cái - Tay đẩy: 01 cái - Ngăn kéo: 04 ngăn - Giá đựng vật sắc nhọn: 01 cái - Hộp đựng dụng cụ: 01 cái - Thùng rác: 03 cái <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước xe R x S x C (cm): 60x60x100 (± 10) - Kích thước chiều cao các ngăn kéo: <ul style="list-style-type: none"> + Ngăn A (cm): 8 (± 2) + Ngăn B (cm): 15 (± 2) + Ngăn C (cm): 35 (± 2) - Vật liệu: Bảng thép sơn tĩnh điện, bọc nhựa ABS - Tải trọng (kg): 100-150 <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bàn trên làm bằng nhựa ABS độ dày 4mm (± 1); có lan can và tay đẩy; Phía dưới mặt bàn có thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> + 01 khay bằng inox kích thước 55x 40x 6cm (± 2) kéo ra phía trước làm bàn chuẩn bị; + 01 khay nhựa kéo mặt cạnh bên phải trượt giấu trong xe, mặt phẳng để kê giấy tờ ghi chép. - Ngăn kéo: thanh ray trượt bằng thép, khay kéo mở rộng <ul style="list-style-type: none"> + Ngăn (A): 02 ngăn trên cùng, phía bên trong có các nan di động (bộ chia ngăn kéo) để chia thành nhiều ô + Ngăn (B): 01 ngăn ở giữa, phía bên trong có các nan di động (bộ chia ngăn kéo) để chia thành nhiều ô; + Ngăn lớn (C): 01 ngăn dưới cùng để trống, có 2 tấm ốp kín 2 bên để cách ly với thùng rác. - Bánh xe: 04 bánh, đường kính bánh xe 120mm (± 10), trong đó 02 bánh có khóa, 1 bánh tự do và 1 bánh điều hướng; Bánh xe có lớp vỏ cao su chống ma sát, chống ồn và trượt xước mặt sàn; 	



STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
		<p>- Phụ kiện: + Bên sườn trái xe: 02 thùng rác y tế 15 lít bằng nhựa cứng có nắp, kích thước 304x197x 486mm (± 5); + Bên sườn phải xe: 01 hộp đựng dụng cụ hình chữ nhật kích thước 360x150x90mm (± 5); 01 giá treo hộp đựng vật sắc nhọn 5 lít kích thước 170x 140x300mm (± 10); 01 thùng rác nhựa cứng 15 lít có nắp.</p>	
7	Xe tiêm inox	<p>1. Cấu hình - Xe tiêm inox: 01 cái - Giá đựng vật sắc nhọn: 01 cái - Giỏ hình chữ nhật: 01 cái - Thùng rác: 02 cái</p> <p>2. Thông số kỹ thuật - Kích thước xe (cm): 90x60x100 (± 5) - Vật liệu inox 304, dày 0,8-2mm - Tải trọng (kg): 100-150</p> <p>3. Tính năng - Khung xe: làm bằng inox hộp vuông kích thước (mm) 25x25(± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$) tăng cứng; - Tay cầm: bằng inox ống tròn, đường kính 30mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Mặt bàn xe trên cùng làm bằng tấm inox dày 1,5mm ($\pm 0,5$); có lan can xung quanh, tay cầm thiết kế 2 bên sườn; Phía tay cầm bên phải có thiết kế gắn móc tròn có lỗ để treo chai dung dịch sát khuẩn; - Xe chia 2 tầng: + Tầng trên: Chia 04 ngăn kéo bằng nhau (như hình ảnh), có tay nắm, ngăn kéo cao 10cm (± 1); + Tầng dưới: Khoảng trống, 1 vách kín ở giữa chia 2 ngăn trước-sau. Khoảng cách giữa 2 mặt sàn 50cm (± 5) • Ngăn trước: Để hồ, thiết kế để 2 thùng đựng, thùng được giữ bởi 2 vòng tròn đường kính 30cm (± 2), vòng tròn có thể xoay di chuyển. (như hình ảnh) • Ngăn sau: Hai bên sườn có vách kín, mặt sau ngăn lan can cao 10cm (± 2) so với mặt sàn để giữ thiết bị. - Bánh xe: 04 bánh đường kính bánh xe 12cm (± 1) (02 bánh trước có khóa, 1 bánh tự do và 1 bánh điều hướng); Bánh xe có lớp vỏ cao su chống ma sát, chống ồn và tránh xước mặt sàn; - Phụ kiện: + 01 giá đựng hộp vật sắc nhọn dung tích 5 lít gắn sườn bên trái xe; + 01 giỏ hình hộp chữ nhật, có nan, các nan cách nhau 2cm để lót túi nilon 5kg gắn sườn bên trái xe. • Mối hàn không bị nứt vỡ, có được độ đồng đều cao, ít xỉ đen. Mối hàn cũng cần đảm bảo được độ bền chắc, độ cứng, không xù xì.</p>	





STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
8	Xe lấy mẫu, để dụng cụ	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe lấy mẫu, để dụng cụ: 01 cái - Kích thước xe (cm): 90x45x100 (± 5) - Vật liệu: inox 304, dày 0,8-2mm; - Tải trọng (kg): 80-100. <p>2. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe chia 3 tầng bằng nhau, khoảng cách 2 mặt sàn 35cm (± 5); - Khung xe và tay cầm bằng inox ống tròn, đường kính 30mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Mặt sàn của 3 tầng làm bằng tấm inox dày 1,5mm ($\pm 0,5$); xung quanh viền inox hộp vuông kích thước 25x25mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$) tăng cứng; - Bánh xe: có 4 bánh xe kích thước 10cm (± 1), xoay được 360°, bánh xe bọc cao su/nhựa đặc; bánh có khóa an toàn chống trượt xe khi di chuyển. 	
9	Xe chở đồ vải y tế	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe chở đồ vải y tế: 01 cái - Kích thước xe (cm): 110x50x100 (± 10); - Vật liệu: inox 304, dày 0,8-2mm; - Tải trọng (kg): 80-100 <p>2. Tính năng</p> <p>- Xe chia làm hai khoang:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khoang 1: dùng để thu đồ vải bẩn, có lan can quây 4 phía, trong khoang gắn 1 túi vải, phía trong túi lớp lót bằng nhựa, chống thấm nước, trên túi có quai móc vào xe, túi tháo rời được; trên túi có nắp đậy bằng inox; + Khoang 2: dùng để cấp đồ sạch, chia 3 sàn, có lan can bảo vệ đồ bao xung quanh sàn. <ul style="list-style-type: none"> - Khung xe và tay cầm: bằng inox ống tròn, đường kính 30mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); Lan can bằng inox ống tròn, đường kính 15mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Mặt sàn: 3 tầng bằng inox tấm dập định hình, dày 1,5mm ($\pm 0,5$); xung quanh có viền hộp inox vuông 25x25mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$) tăng cứng; Khoảng cách giữa 2 mặt sàn: 35cm (± 5); - Bánh xe: có 4 bánh xe 100mm (± 10), xoay được 360°, bánh xe bọc cao su/nhựa đặc; bánh có khóa an toàn chống trượt xe khi không di chuyển. 	






STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
10	Cọc truyền	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cọc truyền: 01 cái - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu cọc có đường kính 30cm (± 10), + Thân cọc dài 200cm (± 10); + Chân cọc có đường kính 50cm (± 5) - Vật liệu: inox 304, dày 0,8-2mm; - Tải trọng (kg): 80 -100 <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu cọc: Có 1 thanh inox tròn, ngang, 4 móc treo dịch truyền; - Thân cọc làm bằng inox ống tròn đường kính 30mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$), chia làm 2 phần: <ul style="list-style-type: none"> + Trụ cố định có đường kính 30mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,3$), dài 85cm (± 5); + Trụ di chuyển điều chỉnh độ cao, đường kính 25mm (± 5), dày 1,2mm ($\pm 0,2$), dài 100cm (± 5), có khóa hãm; - Chân cọc bằng inox hộp vuông kích thước 35x35mm(± 5), dày 1,2mm ($\pm 0,2$), cứng chắc hạn chế cập kênh va đập; - Bánh xe: có 5 bánh kích thước 65mm (± 10), xoay được 360°, bánh xe bọc cao su/nhựa đặc chống ồn; bánh có khóa an toàn chống trượt xe khi không di chuyển. 	





STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
11	Giường cũ loại nhỏ	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giường cũ loại nhỏ: 01 cái - Kích thước DxRxC (cm): 125x75x135 (± 5) - Vật liệu: inox 304, dày 0,8-2,5mm - Tái trọng (kg): 80 -100 <p>2. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung giường: inox hộp 30x60mm (± 5), dày 2mm ($\pm 0,5$); - Khung mặt giường: inox hộp 25x25mm (± 5), dày 2mm ($\pm 0,5$); - Đát giường: các nan giường bằng inox hộp 15x100mm (± 5), dày 1,5mm ($\pm 0,5$); chia làm 02 khúc: <ul style="list-style-type: none"> + Khúc nâng/hạ đầu lưng dài 40-45cm có điều chỉnh góc nâng từ 0-80° bằng hệ thống vít me tay quay; + Khúc phần chân cố định dài 60-65cm; - Khung chân giường: bằng inox hộp 40x40mm (± 5), dày 2mm ($\pm 0,5$); cao từ đất đến đát giường 70cm (± 5); - Thành lan can: hai bên nâng/hạ được, bằng inox ống tròn đường kính 25mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); song nan đứng đường kính 15mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Thanh ngang đầu/cuối giường: bằng inox hộp 25x25mm; dày 1mm ($\pm 0,2$); song nan đứng đầu/cuối giường bằng inox ống tròn đường kính 15mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$) có thể nâng lên hạ xuống được; - Bánh xe: 4 bánh; xoay 360°; đường kính bánh xe 140mm (± 10); bánh xe bọc cao su/nhựa đặc; bánh có khóa an toàn chống trượt xe; - Đệm: Đặt vừa với lòng giường dày 5-7cm; Ruột đệm làm bằng chất liệu xơ dừa/bông ép, vỏ bọc đệm bằng chất liệu chống thấm nước, đệm gấp khúc theo độ nâng hạ của giường. 	


STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
12	Giường cũ loại to	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giường cũ loại to: 01 cái - Kích thước (cm): 170x90x140 (± 10); - Vật liệu: inox 304, dày 0,8-2,5mm; - Tải trọng (kg): 100-120 <p>2. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung giường: inox hộp 30x60mm (± 5), dày 2mm ($\pm 0,5$); - Khung mặt giường: inox hộp 25x25mm (± 5), dày 2mm ($\pm 0,5$); - Dát giường: các nan giường bằng inox hộp 15x100 mm (± 5), dày 1,5 mm ($\pm 0,5$); chia làm 02 khúc: <ul style="list-style-type: none"> + Khúc nâng/hạ phần đầu lưng dài 50-55cm có điều chỉnh góc nâng từ 0-80° bằng hệ thống vít me tay quay; + Khúc phần chân cố định dài 85-90cm; - Khung chân giường: inox hộp 40x40 mm (± 5), dày 2 mm ($\pm 0,5$); cao từ đất đến dát giường là 75cm (± 5); - Thành lan can: hai bên nâng lên hạ xuống được làm bằng ống tròn inox có đường kính 25 mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); song nan đứng đường kính 15mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Thanh ngang đầu/cuối giường: làm bằng inox hộp 25x25 mm, song nan đứng đầu/cuối giường bằng ống tròn inox đường kính 15mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Bánh xe: 4 bánh; xoay 360°; đường kính bánh xe 140mm (± 10); bánh xe bọc cao su/nhựa đặc; bánh có khóa an toàn chống trượt xe; - Đệm: Đặt vừa với lòng giường dày 5-7cm; Ruột đệm làm bằng chất liệu xơ dừa/bông ép, vỏ bọc đệm bằng chất liệu chống thấm nước, đệm gấp khúc theo độ nâng hạ của giường. 	
13	Ghế giường đa năng	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước dạng ghế (cm): 70x55x95 (± 10) - Kích thước dạng giường (cm): 190x60x45 (± 10) - Vật liệu: Khung thép sơn tĩnh điện - Tải trọng (kg): 130-150 <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung ghế làm bằng ống tròn, đường kính 35mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); khung bên trong có đường kính 25mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Khung mặt ghế làm bằng hộp 30x30mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); mối hàn sắc nét, chắc chắn; - Mặt ghế lót đệm bọc giả da chống thấm, dễ vệ sinh; dày 5cm (± 1); đầu ghế khi ngả thành giường có gối kê đầu; gác để tay có bọc nhựa hoặc mút bọc giả da êm; - Bánh xe: 6 bánh, xoay 360° để di chuyển dễ dàng; - Chân ghế cố định được bọc nhựa/cao su chống ma sát và chống trầy mặt sàn. 	

STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
14	Giường tầng nhân viên	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 200x100x170 (± 10) - Vật liệu: Khung thép sơn tĩnh điện - Tải trọng (kg): 200-250 <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành giường làm bằng sắt/thép hộp 30x50mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Thanh đỡ đất giường bằng hộp 30x30mm (± 5) dày 1mm ($\pm 0,2$); - Dát giường bằng tấm gỗ dán dày 2mm ($\pm 0,5$) hoặc bằng thép hình U 15x45mm (± 5) dày 1mm ($\pm 0,2$); - Thanh chắn thành giường bên ngoài tầng 2 làm bằng ống tròn đường kính 20 mm (± 5), dày 1mm ($\pm 0,2$); Chiều cao thanh chắn thành giường 30cm (± 2); - Chiều cao từ chân đến mặt đất giường tầng 1 là 35cm (± 2); khoảng cách từ mặt đất giường tầng 1 đến đất giường tầng 2 là 100-110cm; - Chân giường làm bằng ống vuông 30x30mm (± 2), dày 1mm ($\pm 0,2$), chân có nút bọc bằng cao su chống ma sát và chống trầy mặt sàn; - Thang giường: 01 cái làm bằng ống vuông 20x20mm (± 2), dày 1mm ($\pm 0,2$) hàn cố định vào thành giường tầng 1 và tầng 2, đặt ở cuối giường. 	
15	Tủ đựng thuốc	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 180x90x50 (± 10) - Vật liệu: Tủ được gấp liền khối làm bằng inox 304, dày 0,8-2,5mm, kính màu trắng - Tải trọng (kg): 200-250 <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung tủ làm bằng inox hộp vuông 25x25mm (± 3), dày 1mm ($\pm 0,2$); - Khung cánh tủ làm bằng inox hộp 20x20mm (± 3); bao xung quang bằng inox tấm dày 1mm ($\pm 0,2$); - Tủ chia 2 khoang: + Phần khoang trên tủ cao 85cm (± 10); thiết kế 2 cánh kính màu trắng dày 5mm, có khoá chốt và tay nắm bằng inox để đóng mở: <ul style="list-style-type: none"> • Ngăn trên cùng là tủ độc bằng A-B, hai cánh bằng kính khung inox có khoá riêng biệt, kích thước (cm): C 20 x D 40 x S 20 • Hai ngăn dưới thiết kế sàn inox nghiêng dốc ra ngoài, chia thành nhiều ô vách kích thước 10 x 10cm/ ô để giữ thuốc • Có nắp tầng chỉnh được độ cao thấp của ngăn sử dụng + Phần khoang dưới tủ cao 75cm (± 10); thiết kế 2 cánh bằng inox dày 1mm ($\pm 0,2$); có khoá chốt và tay nắm inox để đóng mở; trong khoang chia 2 ngăn, sàn inox, có nắp tầng chỉnh được độ cao thấp của ngăn sử dụng; - Chân tủ: 4 chân, bọc đệm cao su chống ma sát, chống ồn và trầy xước mặt sàn. Độ cao từ chân tủ đến sàn khoang dưới tủ 10cm (± 2). 	

STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
16	Tủ nhựa đầu giường bệnh	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 80x50x50 (± 10) - Vật liệu: Nhựa ABS, trên mặt tủ bọc inox 304, dày 0,8-1mm - Tải trọng (kg): 50 - 100 <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chia 3 khoang + <i>Khoang trên</i> cùng có thiết kế khay bàn ăn kéo ra/vào; + <i>Khoang giữa</i> thiết kế ngăn kéo, lắp rãnh trượt ra vào, có tay nắm; cạnh sườn bên ngoài có móc treo; + <i>Khoang dưới</i> thiết kế 01 cánh đóng mở, tay nắm, bên trong khoang có đợt di động. - Chân tủ: 4 chân, bọc đệm cao su chống ma sát, chống ồn và tránh xước mặt sàn. 	
17	Tủ gửi đồ người nhà bệnh 8 cánh	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 185x90x50 (± 10) - Vật liệu: thép sơn tĩnh điện, độ dày 2mm ($\pm 0,5$) - Màu sắc: ghi xám <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chia 08 ngăn bằng nhau, 08 cánh mở; mỗi ngăn tủ trang bị một ổ khóa Locker, gồm 2 chìa, có đánh số thứ tự, tay nắm cho từng ngăn tủ riêng biệt; - Chân đế kê tủ bằng thép sơn tĩnh điện; có 04 chân bọc cao su chống ma sát, chống ồn và chống trầy mặt sàn; chiều cao chân đế 10cm (± 1), chịu tải trọng 200-250 kg. 	
18	Tủ gửi đồ người nhà bệnh 04 cánh	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 185x90x50 (± 10) - Vật liệu: thép sơn tĩnh điện, độ dày 2mm ($\pm 0,5$) - Màu sắc: ghi xám <p>2. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chia 04 ngăn bằng nhau, 04 cánh mở; mỗi ngăn trang bị 01 đợt di động, một ổ khóa Locker, gồm 2 chìa, có đánh số thứ tự, tay nắm cho từng ngăn tủ riêng biệt; - Chân đế kê tủ làm bằng thép sơn tĩnh điện; có 04 chân bọc cao su chống ma sát, chống ồn và chống trầy mặt sàn chiều cao chân đế 10cm (± 1), chịu tải trọng 200-250 kg. 	
19	Tủ để tài liệu, đồ dùng 02 cánh	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 185x90x50 (± 10) - Vật liệu: thép sơn tĩnh điện, độ dày 2mm ($\pm 0,5$) - Màu sắc: ghi xám <p>2. Tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chia 2 khoang dọc bằng nhau, 02 cánh mở, mỗi cánh một ổ khóa Locker, gồm 2 chìa; mỗi khoang đều trang bị 03 đợt ngăn di động; tay nắm cho từng khoang tủ riêng biệt; - Chân đế kê tủ làm bằng thép sơn tĩnh điện; có 04 chân bọc cao su chống ma sát, chống ồn và chống trầy mặt sàn; chiều cao chân đế 10cm (± 1), chịu tải trọng 200-250 kg. 	

STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
20	Tủ để đồ cá nhân, nhân viên y tế 4 cánh	<p>1. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 185x90x50 (± 10) - Vật liệu: thép sơn tĩnh điện, độ dày 2mm ($\pm 0,5$) - Màu sắc: ghi xám <p>2. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chia 04 ngăn bằng nhau, 04 cánh mở; hệ thống thông hơi bằng lam gió; mỗi ngăn trang bị 01 đợt di động, móc treo, một ổ khóa Locker, gồm 2 chìa, có đánh số thứ tự; tay nắm cho từng ngăn tủ riêng biệt; - Chân đế kê tủ làm bằng thép sơn tĩnh điện; có 04 chân bọc cao su chống ma sát, chống ồn và chống trầy mặt sàn chiều cao chân đế 10cm (± 1), chịu tải trọng 200-250 kg. 	
21	Bàn khám bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 75x115x55 (± 5) - Tải trọng (kg): 50-70 - Khung bàn bằng thép sơn tĩnh điện, dày 2mm ($\pm 0,5$); - Mặt bàn bằng gỗ công nghiệp chống trầy xước, chống mối mọt, chống ẩm; - Chân bàn: 04 chân, bọc cao su chống ma sát, chống ồn và chống trầy mặt sàn. 	
22	Bàn làm việc di động	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm) <ul style="list-style-type: none"> + Chiều cao nâng hạ: 60-110 + Chiều dài: 85(± 5) + Chiều rộng 55 (± 5) - Khung và giá đỡ bàn bằng thép sơn tĩnh điện, dày 2mm ($\pm 0,5$); chịu tải trọng 50 ~ 70 kg, có khóa điều chỉnh nâng hạ độ cao mặt bàn - Mặt bàn làm bằng gỗ công nghiệp chống trầy xước, chống mối mọt, chống ẩm; Kích thước 85x55cm (± 5) - Bánh xe: 04 bánh, xoay 360°, có khóa phanh cố định bánh xe chống trôi trượt. 	
23	Ghế gấp	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (cm): 90x50x50 (± 10) - Khung ghế bằng thép sơn tĩnh điện - Tải trọng (kg): 80-100 - Chỗ ngồi và tựa lưng ghế có lót đệm bọc giả da chống thấm, dễ vệ sinh; dày 3cm (± 1); màu xanh - Chân ghế: 04 chân bọc cao su chống trượt - Ghế gấp gọn được. 	
24	Tủ lạnh 2 cánh loại 1	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích (lít): 120-150 - Tủ lạnh: 2 cánh + Ngăn đông phía trên, có khay kệ chịu lực, điều chỉnh linh hoạt + Ngăn lạnh phía dưới: có khay kệ chịu lực, điều chỉnh linh hoạt; đèn Led bên trong tủ bật sáng khi mở cánh tủ - Công nghệ làm lạnh: Gián tiếp, đa chiều, không đóng tuyết; có hệ thống khử mùi và kháng khuẩn, diệt khuẩn - Có 01 chân đế nhựa kê tủ để chống ẩm - Công suất tiêu thụ: ≤ 150 W 	

STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
25	Tủ lạnh 2 cánh loại 2	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích (lít): 220-250 - Tủ lạnh: 2 cánh + Ngăn đông phía trên, có khay kệ chịu lực, điều chỉnh linh hoạt; + Ngăn lạnh phía dưới: có khay kệ chịu lực, điều chỉnh linh hoạt; đèn Led bên trong tủ bật sáng khi mở cánh tủ - Công nghệ làm lạnh: Gián tiếp, đa chiều, không đóng tuyết; có hệ thống khử mùi và kháng khuẩn, diệt khuẩn - Có 01 chân đế nhựa kê tủ để chống ẩm - Công suất tiêu thụ: ≤ 400 W 	
26	Cây nước nóng lạnh 2 vòi	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: bọc nhựa tổng hợp hoặc inox/thép không gỉ - Máy có 2 chức năng: vòi nước Nóng/Lạnh, vòi nước nóng có khóa an toàn: + Nhiệt độ làm nóng: $\geq 85^{\circ}\text{C}$ + Nhiệt độ làm lạnh: $\leq 12^{\circ}\text{C}$ - Bình chứa: chất liệu inox chống gỉ - Có công tắc nóng lạnh độc lập, đèn hiển thị chế độ nóng/lạnh; có hệ thống chống giạt, ngắt điện tự động khi quá tải - Công nghệ làm lạnh bằng Block - Máy gắn trực tiếp từ đầu cấp lọc RO - Công suất làm nóng tiêu thụ: ≤ 600 W - Công suất làm lạnh tiêu thụ: ≤ 100 W. 	
27	Cây nước nóng lạnh 3 vòi	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: bọc nhựa tổng hợp hoặc inox/thép không gỉ - Máy có 3 chức năng: vòi nước Nóng/Lạnh/Thường, vòi nước nóng có khóa an toàn: + Nhiệt độ làm nóng: $95^{\circ}\text{C} - 100^{\circ}\text{C}$ + Nhiệt độ làm lạnh: $2^{\circ}\text{C} - 12^{\circ}\text{C}$ - Bình chứa: chất liệu inox chống gỉ - Có công tắc nóng lạnh độc lập, đèn hiển thị chế độ nóng/lạnh; có hệ thống chống giạt, ngắt điện tự động khi quá tải - Công nghệ làm lạnh bằng Block - Máy gắn trực tiếp từ đầu cấp lọc RO - Công suất làm nóng tiêu thụ ≤ 800 W. - Công suất làm lạnh tiêu thụ: ≤ 200 W 	
28	Lò vi sóng	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích (lít): 20 (± 2) - Công suất ≥ 600W - Chức năng: rã đông, làm nóng; - Điều khiển: Hệ thống nút xoay bằng cơ, có hẹn giờ, nhiệt độ, chuông báo; trong khoang có đèn sáng, đĩa xoay. 	

STT	Danh mục	Tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa
29	Tivi	<p>1. Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tivi : 01 Tivi - màn hình phẳng - Giá treo tivi : 01 bộ <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (inch): 40 – 45 - Hệ điều hành: Android/ WebOS/Tizen.... - Độ phân giải: 4K UltraHD - Công nghệ hình ảnh HDR (High Dynamic Range) tương đương hoặc tốt hơn <p>3. Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số loa: 02 loa; công suất 1 loa: $\geq 10W$ - Kết nối: Bluetooth; Internet, HDMI, USB - Điều khiển từ xa đồng bộ với tivi, giao diện tùy chỉnh thông minh, chia sẻ dữ liệu từ thiết bị di động lên tivi - Giá treo tivi: Treo áp tường <p>+ Khung giá treo làm bằng sắt/thép sơn tĩnh điện kèm các phụ kiện để lắp đặt (ốc, vít ...)</p> <p>+ Kích thước, tải trọng giá treo phù hợp với tivi</p> <p>+ Thanh treo có thể di chuyển trái – phải từ 5-10cm, hai đầu có nút chặn trượt; ốc chốt hãm ở dưới đảm bảo an toàn.</p>	

3. Yêu cầu chung

- Hàng hóa: Hàng mới 100%; có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, tài liệu chứng minh theo quy định.

- Đối với thiết bị y tế: Sản phẩm được chứng nhận ISO 13485, an toàn và chất lượng để sử dụng chuyên trong cơ sở y tế; tài liệu chứng minh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại Việt Nam (trường hợp thiết bị y tế thuộc danh mục phải đăng ký lưu hành theo quy định).

- Đối với thiết bị điện:

+ Điện áp sử dụng: 220V 60Hz

+ Môi trường hoạt động:

- Nhiệt độ tối đa đến $\geq 25^{\circ}C$

- Độ ẩm tối đa đến $\geq 75^{\circ}C$

- Tiến độ giao hàng:

+ Giao hàng nhiều lần, theo đơn đặt hàng qua email/điện thoại của Bệnh viện;

+ Ngày giao hàng sớm nhất trong vòng 5 ngày, kể từ ngày nhận đơn đặt hàng;

+ Ngày giao hàng muộn nhất trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận đơn đặt hàng;

Trường hợp bất khả kháng đơn vị cung cấp phải giải trình bằng văn bản và phải được sự đồng ý của Bệnh viện;

+ Địa điểm giao hàng: Kho vật tư tiêu hao – tầng hầm, Nhà A (nhà 15 tầng) Bệnh Viện Nhi Trung ương địa chỉ tại Số 18/879 đường La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.